

Số: 239/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi
giai đoạn 2010 - 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 của Quốc hội khóa XII ngày 19 tháng 6 năm 2009 về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015 với những nội dung chính như sau :

I. QUAN ĐIỂM

1. Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm non, tăng cường hỗ trợ cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ giáo viên; ưu tiên đầu tư các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới theo hướng xây dựng các trường công lập kiên cố, đạt chuẩn.

2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị tốt nhất cho trẻ vào lớp 1 đối với tất cả các vùng miền trong cả nước.

3. Việc chăm lo để mọi trẻ em năm tuổi được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội. Đây mạnh xã hội hoá với trách nhiệm lớn hơn của Nhà nước, của xã hội và gia đình để phát triển giáo dục mầm non.

4. Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non theo nguyên tắc bảo đảm đồng bộ, phù hợp, tiên tiến, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, góp phần tích cực cho việc nâng cao chất lượng giáo dục.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm hầu hết trẻ em năm tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015, có 95% số trẻ em trong độ tuổi năm tuổi được học 2 buổi/ngày;

b) Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non năm tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học Chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thể cho trẻ vào học lớp 1;

c) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, bảo đảm 100% giáo viên dạy mầm non năm tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2010, phấn đấu đến năm 2015 có 50% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá;

d) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non năm tuổi ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại các huyện nghèo làm mô hình mẫu và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non;

đ) Đưa số tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi từ 55% năm 2010 lên 85% năm 2012 và 100% năm 2015.

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI

1. Điều kiện phổ cập

a) Có đủ phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn;

b) Trường, lớp có bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới; ở vùng thuận lợi có thêm các bộ đồ chơi, phần mềm trò chơi ứng dụng công nghệ thông tin, làm quen với vi tính để học tập;

c) Có đủ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non;

d) Trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành, được chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non mới, trẻ em dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

2. Tiêu chuẩn phổ cập

a) Đối với xã, phường, thị trấn

- Bảo đảm các điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, tài liệu, thiết bị, đồ chơi trong các trường, lớp mầm non năm tuổi;

- Huy động 95% trở lên số trẻ em năm tuổi ra lớp, trong đó có ít nhất 85% số trẻ trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; ở vùng đặc biệt khó khăn và vùng dân tộc thiểu số, trẻ được chuẩn bị tiếng Việt để vào học lớp 1;

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ : đạt từ 90% trở lên;

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 10%.

b) Đối với huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Bảo đảm 90% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

c) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bảo đảm 100% số huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực;

b) Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau như: xuất bản phẩm, băng hình; thông qua báo, đài trung ương và địa phương; các hội nghị, hội thảo để phổ biến các nội dung của Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

2. Tăng cường huy động trẻ em năm tuổi đến lớp

a) Hàng năm, huy động hầu hết trẻ em năm tuổi đến lớp mầm non để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, duy trì và giữ vững số trẻ dưới năm tuổi đến các cơ sở giáo dục mầm non dưới nhiều hình thức. Đến năm 2015, quy mô trẻ mầm non 5 tuổi đến lớp của cả nước là 1.378.600 cháu. Trong đó, công lập là 1.097.700 cháu, chiếm tỷ lệ 79,6%; ngoài công lập là 280.900 cháu, chiếm 20,4%; duy trì 70% số trẻ 3 đến 4 tuổi đến lớp mẫu giáo và 25% số trẻ đến nhà trẻ;

b) Hàng năm, đưa chỉ tiêu Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, để chỉ đạo thực hiện; đưa kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào tiêu chuẩn bình xét, đánh giá các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể, bình xét gia đình văn hóa và đơn vị văn hóa. Cấp ủy, chính quyền địa phương giao trách nhiệm cho các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phối hợp vận động các gia đình đưa trẻ em năm tuổi đến trường, lớp học 2 buổi/ngày;

c) Hỗ trợ trẻ năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của nhà nước 120 nghìn đồng/tháng (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn trưa tại trường; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học tại các trường mầm non tư thực được nhà nước hỗ trợ một phần học phí, nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường;

d) Phát huy các sáng kiến của nhân dân, cộng đồng, động viên các bậc phụ huynh đăng ký đưa trẻ đến trường, lớp để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

đ) Tổ chức các loại hình trường lớp phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ em năm tuổi được đến trường: các vùng khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, các tỉnh vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, 100% số trẻ em năm tuổi được học tại các trường công lập từ năm 2010. Vùng nông thôn đồng bằng, phần lớn trẻ em được học tại các trường công lập có thu học phí. Duy trì, giữ vững số trẻ dưới năm tuổi ra lớp công lập không thấp hơn mức hiện có, phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non

a) Triển khai thực hiện đại trà Chương trình giáo dục mầm non mới cho 39.400 lớp mầm non năm tuổi, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em năm tuổi;

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non, phấn đấu đến năm 2015 có ít nhất 30% số trường mầm non được tiếp cận với tin học, ngoại ngữ;

c) Xây dựng chương trình, tài liệu chuẩn bị tiếng Việt cho các lớp mầm non năm tuổi người dân tộc thiểu số;

d) Ban hành và hướng dẫn sử dụng bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non

a) Tăng cường năng lực của các trường sư phạm, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu phổ cập và đổi mới giáo dục mầm non

- Đào tạo nâng chuẩn và đào tạo mới 22.400 giáo viên, bảo đảm đến năm 2015, có đủ giáo viên dạy các lớp mầm non năm tuổi theo định mức quy định. Tăng tỷ lệ giáo viên người dân tộc, cử tuyển 2.000 giáo viên cho các vùng khó khăn với nguồn tuyển tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các thôn, bản;

- Xây dựng và mở rộng mô hình dạy tiếng dân tộc cho giáo viên công tác tại các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, có học phần dạy tiếng dân tộc thiểu số cho giáo sinh cử tuyển trong các trường sư phạm;

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng của giáo viên người dân tộc thiểu số.

b) Xây dựng chính sách hợp lý và bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- Nhà nước hỗ trợ ngân sách để thực hiện trả lương cho giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục mầm non dân lập theo thang bảng lương và nâng lương theo định kỳ. Các cơ sở giáo dục mầm non tư thục bảo đảm chế độ lương cho giáo viên không thấp hơn ở các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, công lập và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành;



- Khuyến khích các địa phương thực hiện cơ chế học phí mới, tăng nguồn thu hợp pháp ở những nơi thuận lợi, cha mẹ trẻ có khả năng chi trả để thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non dạy trẻ dưới năm tuổi;

- Ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non, phù hợp với các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

5. Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị, bảo đảm ngân sách cho các lớp mầm non năm tuổi

a) Xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi

- Xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi ở các xã vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc. Bảo đảm tất cả các xã khó khăn và các vùng dân tộc đều có trường với quy mô ít nhất 3 lớp ở trung tâm và các điểm lớp lẻ có phòng học được xây kiên cố theo hướng chuẩn hóa;

- Xây dựng 11.000 phòng học theo chương trình kiên cố hóa trường lớp. Xây dựng bổ sung mới 11.600 phòng học và khoảng 1.570.000 m² khối phòng chức năng theo tiêu chuẩn được quy định tại Điều lệ trường mầm non, bảo đảm có đủ 39.400 phòng học vào năm 2015 cho tất cả các lớp mầm non năm tuổi;

- Xây dựng 86 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mức độ I tại 62 huyện khó khăn trong Danh mục tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và 24 huyện miền núi của 6 tỉnh giáp Tây Nguyên, làm mô hình và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo dục mầm non miền núi khó khăn.

b) Bảo đảm đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

- Trang bị bộ thiết bị tối thiểu cho 39.400 lớp mầm non năm tuổi để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới và bộ thiết bị nội thất dùng chung cho các lớp học, cung cấp đủ số thiết bị cho các nhóm/lớp trẻ em dưới năm tuổi có đủ điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới;

- Cung cấp 8.800 bộ thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với vi tính cho các trường, lớp có điều kiện;

- Trang bị 6.600 bộ đồ chơi ngoài trời để đến năm 2015 có khoảng 70% các trường có bộ đồ chơi ngoài trời.

c) Bảo đảm ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chăm sóc, giáo dục mầm non năm tuổi

- Nhà nước từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ em mầm non năm tuổi hàng năm để đạt 7,3 triệu đồng /trẻ/ năm vào năm 2015, bảo đảm khoảng 20% ngân sách giáo dục mầm non được chi cho hoạt động chuyên môn;

- Vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, nhà nước tổ chức các trường, lớp mầm non công lập và bảo đảm 100% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên, bố trí đủ giáo viên để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ;

- Các vùng nông thôn, Nhà nước tổ chức các trường, lớp mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động và bảo đảm từ 75% đến 80% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên; phần còn lại được huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ;

- Đối với khu vực thành phố, thị xã, vùng kinh tế phát triển, Nhà nước hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho trường công lập tự chủ một phần với mức độ khác nhau, phần còn lại được huy động từ đóng góp của cha mẹ trẻ. Đối với các cơ sở dân lập, Nhà nước hỗ trợ để trả lương cho giáo viên theo thang bảng lương giáo viên mầm non và nâng lương theo định kỳ.

6. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

a) Lồng ghép các chương trình dự án khác nhau trên cùng một địa bàn và huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; cha mẹ có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập theo tinh thần Nghị định số 69/2008/NQ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

c) Tại các vùng khó khăn có giải pháp thích hợp huy động sự đóng góp công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách nhà nước để xây dựng trường, lớp; kết hợp chính sách của địa phương với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để tổ chức ăn bán trú hoặc thực hiện chương trình bữa ăn học đường tại lớp cho tất cả trẻ em năm tuổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi để dạy tiếng Việt cho trẻ;

d) Thực hiện việc chuyển đổi các cơ sở giáo dục mầm non bán công sang loại hình nhà trường theo quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo đủ trường, lớp để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

Tranh thủ sự giúp đỡ của các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế xây dựng một dự án ODA cho để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Đề án là 14.660 tỷ đồng, gồm 4 dự án:

a) Dự án 1: Xây dựng phòng học, phòng chức năng theo quy định của Điều lệ trường mầm non

- Nội dung chủ yếu

+ Xây dựng mới 11.600 phòng học đáp ứng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi;

+ Xây dựng 1.570.000 m² khối phòng chức năng theo tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường mầm non;

- Kinh phí dự kiến: 9.200 tỷ đồng.

b) Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị, đồ chơi

- Nội dung chủ yếu

+ Mua sắm 39.400 bộ thiết bị, đồ chơi, 39.400 bộ thiết bị nội thất dùng chung cho các lớp mầm non năm tuổi thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới;

+ Mua 6.600 bộ đồ chơi ngoài trời và 8.800 bộ thiết bị cho trẻ em làm quen với tin học - ngoại ngữ phục vụ thực hiện Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

- Kinh phí dự kiến: 2.200 tỷ đồng.

c) Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ trẻ em nghèo

- Nội dung chủ yếu

+ Bồi dưỡng chuẩn hóa 11.300 giáo viên từ sơ cấp lên trung cấp sư phạm mầm non, thời gian đào tạo 15 tháng; đào tạo mới 11.100 giáo viên đạt trình độ cao đẳng sư phạm mầm non;

+ Hỗ trợ ăn trưa cho 394.000 trẻ em/năm cho trẻ em năm tuổi vùng núi cao, biên giới, trẻ em con gia đình nghèo.

- Kinh phí dự kiến: 2.900 tỷ đồng

d) Dự án 4: Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia cho các huyện khó khăn

- Nội dung chủ yếu: xây dựng 86 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I cho 86 huyện khó khăn làm mô hình mẫu, tập huấn chuyên môn cho các xã;

- Kinh phí dự kiến: 360 tỷ đồng.

Trong đó:

1. Ngân sách nhà nước: 11.930 tỷ đồng, bao gồm:

a) Chi thường xuyên: 2.542 tỷ đồng;

b) Chi đầu tư: 4.740 tỷ đồng;

c) Chương trình mục tiêu quốc gia: 2.340 tỷ đồng;

d) Vốn vay ODA: 2.307 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí khác là: 2.730 tỷ đồng, bao gồm:

a) Học phí công lập: 780 tỷ đồng;

b) Học phí trường ngoài công lập: 1.042 tỷ đồng;

c) Tài trợ, đóng góp của cộng đồng trong và ngoài nước: 909 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 2010 - 2012

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Đề án, đề chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ nhằm huy động từ 90% đến 93% trẻ em năm tuổi ở mọi vùng miền đến lớp nhằm thực hiện phổ cập;

- Tập trung vào đối tượng trẻ em dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và vùng nông thôn, bảo đảm 90% trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được học 2 buổi ngày; huy động 92% số trẻ em mầm non năm tuổi vùng nông thôn để thực hiện phổ cập;

- Thực hiện phân bổ ngân sách thường xuyên hàng năm, bảo đảm 100% kinh phí cho trẻ em tại vùng núi, vùng sâu, vùng khó khăn và các trường công lập; thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách học tại trường theo quy định;

- Xây dựng mới 7.300 phòng học (nguồn kiên cố hoá được duyệt) cho lớp trẻ em năm tuổi các xã khó khăn, các xã biên giới, hải đảo, các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số và vùng nông thôn; tất cả các trường, lớp công lập đều bảo đảm tỷ lệ 1 lớp/1 phòng học;

- Chuyển các trường, lớp bán công, sang loại hình theo quy định; thành lập thêm các trường tư thục ở thành phố, thị xã, vùng thuận lợi;

- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới cho khoảng 37.200 lớp mầm non năm tuổi. Trong đó thành phố, thị xã có 11.600 lớp; nông thôn đồng bằng 15.800 lớp và miền núi, vùng sâu, vùng dân tộc 9.800 lớp;

- Cung cấp bộ thiết bị tối thiểu cho 37.200 lớp mầm non năm tuổi thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, cung cấp 5.300 bộ đồ chơi và phần mềm trò chơi để cho trẻ làm quen với ứng dụng tin học cho trường, lớp có điều kiện;

- Bồi dưỡng đạt chuẩn và trên chuẩn cho 8.900 giáo viên sơ cấp lên trình độ chuẩn, và đào tạo bổ sung 6.400 giáo viên, bao gồm cả giáo viên người dân tộc thiểu số được cử tuyển từ học sinh trường dân tộc nội trú;

- Bổ sung chính sách, chế độ để giáo viên mầm non ngoài công lập được trả lương theo thang bảng lương giáo viên mầm non;

- Tạo điều kiện cho cộng đồng và doanh nghiệp đóng góp thêm nguồn lực để nâng cao chất lượng; rà soát bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.

b) Giai đoạn 2013 - 2015

- Tiếp tục tập trung vào đối tượng trẻ em vùng khó khăn, vùng nông thôn để huy động đạt 95% số trẻ em mầm non năm tuổi thực hiện phổ cập;

- Phân bổ ngân sách thường xuyên hàng năm, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

- Thực hiện xây mới 4.250 phòng học còn thiếu và 2.200 phòng học tăng thêm giai đoạn II;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho khoảng 2.400 giáo viên đạt trình độ cao đẳng và đào tạo mới, bổ sung 4.600 giáo viên; cung cấp tiếp 550 bộ đồ chơi và phần mềm trò chơi để cho trẻ làm quen với ứng dụng tin học cho trường, lớp có điều kiện;

- Cung cấp bộ thiết bị tối thiểu cho 2.200 lớp mầm non năm tuổi thực hiện chương trình mới;

- Thực hiện các chính sách hợp lý cho giáo viên và cán bộ quản lý;

- Nâng cao chất lượng các lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, đặc biệt ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành triển khai thực hiện các dự án thuộc Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, xây dựng các đề án chi tiết, cụ thể hoá những nội dung của Đề án này để triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục giai đoạn 2011 - 2015, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

- Xây dựng và ban hành bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi; điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể và quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

- rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

- Tổ chức, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành trung ương, các địa phương tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi và phát triển giáo dục mầm non, bảo vệ quyền trẻ em được học đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non trước khi vào học lớp một;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non.

c) Bộ Y tế có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường, lớp mầm non năm tuổi theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, thẩm định các dự án thuộc Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục giai đoạn 2011 - 2015, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì phân bổ vốn đầu tư cho các địa phương thực hiện Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

đ) Bộ Tài chính có trách nhiệm

- Bố trí ngân sách thường xuyên, chương trình mục tiêu chi cho giáo dục mầm non để bảo đảm các mục tiêu, tiến độ thực hiện Đề án; kiểm tra, thanh tra tài chính theo quy định của Luật Ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành triển khai cơ chế tài chính mới cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010 - 2015.

e) Bộ Nội vụ có trách nhiệm

Ban hành chính sách mới đối với giáo viên mầm non, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non thuộc các loại hình nhà trường; bố trí đủ giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non.

g) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm

- Xây dựng chương trình, dự án cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn;

- Chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, huy động trẻ đến trường;

- Chỉ đạo việc dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới; ban hành chính sách phát triển giáo dục mầm non của địa phương; bảo đảm bố trí đủ ngân sách chi cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi và giáo dục mầm non nói chung theo đúng quy định;

- Chỉ đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và các chế độ, chính sách khác đối với giáo viên mầm non trên địa bàn theo quy định;

- Huy động các nguồn lực, thực hiện đồng bộ về cơ sở vật chất, giáo viên và tổ chức bữa ăn học đường cho trẻ em dân tộc, miền núi để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi có chất lượng;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên địa bàn.

h) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể tham gia tích cực phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến lớp, thực hiện Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HONĐ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). M **140**



Nguyễn Thiện Nhân